

# Bóng Ma ở Lexington

Murakami Haruki

Hướng Dương txđ phiên dịch

*Chuyện được kể lại dưới đây đã xảy ra vài năm trước tại một biệt thự ở Lexington, Massachusetts, tuy nhiên để tránh mọi trở ngại có thể xảy ra, tên nhân vật trong truyện đã được thay đổi, mặc dù tất cả mọi sự việc đều có thật.*

Tôi đã có thời sống hai năm ở Cambridge thuộc tiểu bang Massachusetts và đã quen biết một kiến trúc sư, tuổi 50, đẹp trai, tóc đã trắng gần một nửa, không cao lắm, thích đến hồ bơi bơi lội mỗi ngày nên thân thể săn chắc, thỉnh thoảng cũng còn chơi quần vợt. Tôi tạm gọi ông ta là Casey. Độc thân, Casey sống ở ngoại ô Boston trong một biệt thự xưa ở vùng Lexington cùng với một tay chỉnh đàn dương cầm có bộ mặt không được hồng hào mấy tên Jeremy, hơn 30 tuổi, gầy cao như cây liễu, tóc đã rụng bớt. Jeremy không những chỉnh dây đàn, mà còn đàn dương cầm rất giỏi. Thời ấy, tôi đã viết một số truyện ngắn và dịch ra tiếng Anh để đăng trên các tạp chí Mỹ và tình cờ Casey đọc truyện của tôi và qua bạn biên tập đã viết cho tôi: "*Tôi rất thích các truyện và tiểu sử của ông và muốn được gặp và nói chuyện với ông*". Thông thường thì tôi không chịu gặp các độc giả vì theo kinh nghiệm tôi thấy chẳng ích lợi gì, nhưng không hiểu vì sao lần này tôi lại muốn thử gặp Casey. Có lẽ vì lời viết khôn ngoan và hóm hỉnh của ông ta. Hơn nữa vì tôi đang sống cô đơn ở nước ngoài và chỗ tôi ở tình cờ lại gần nhà ông ta. Nhưng lý do chính làm cho tôi muốn làm quen với Casey là vì ông ta có một bộ sưu tập đĩa nhạc Jazz cũ phong phú. Casey đã viết: "*Có lẽ tìm khắp nước Mỹ này cũng không đâu ra một bộ sưu tập nào phong phú được như thế này. Nghe nói ông thích nhạc Jazz nên có thể ông quan tâm đến bộ sưu tập của tôi*". Ông ta đánh trúng tim đen của tôi, quả thật tôi rất thích nhạc Jazz. Đọc xong bức thư ấy, tôi không sao chịu nổi, tôi nao nức muốn thấy bộ sưu tập nhạc của Casey liền. Vì cứ hễ dính đến Jazz là tôi hết còn sức đề-kháng, cứ như một con ngựa đã ngửi phải thứ mùi làm cho nó lên cơn.

Nhà của Casey ở vùng Lexington, cách nhà tôi ở Cambridge chừng 30 phút lái xe. Tôi điện thoại hỏi đường thì ông ta fax cho tôi bản đồ chỉ dẫn đường đi cận kề. Một buổi chiều tháng Tư, tôi leo lên xe Volkswagen màu lục của tôi, một mình lái đi. Tôi nhận ra nhà Casey. Đó là một biệt thự cổ to lớn, có lẽ ít nhất cũng đã 100 tuổi, ba tầng, nằm trong một khu sang trọng ở ngoại ô thành phố Boston. Khu vườn rộng lớn trông tựa một một khu rừng, tôi thấy có bốn con chim giẻ vừa chuyền từ cành này sang cành kia vừa kêu lên những tiếng chói tai.

Trên đường vào nhà tôi nhận thấy một chiếc xe BMW mới tinh. Tôi vừa đậu xe sau chiếc BMW thì một con chó mastiff to lớn đang nằm dài trên tấm thảm chùi giày trước cửa nhà từ từ nhòm dậy, uể oải sủa 2, 3 tiếng như ra vẻ chỉ sủa cho có. Casey liền từ trong nhà bước ra bắt tay tôi, ông bóp chặt tay tôi như muốn tỏ uy quyền, và vỗ lên vai tôi, nói lớn:

- Cảm ơn Anh đã chịu khó đến chơi đây. Gặp được anh, tôi mừng lắm!

Casey mặc áo sơ mi trắng cắt theo kiểu Ý đúng thời trang, nút áo lên đến tận trên cổ, quần vải mềm, áo sơ mi cashmire màu trà nhạt, mắt đeo kính nhỏ kiểu Giorgio Armani, trông rất là trang nhã. Ông ta đưa tôi vào trong nhà, mời ngồi trên ghế salon nơi phòng tiếp khách rồi lấy cho tôi tách cà-phê mới pha thật ngon. Casey là người có vẻ phóng khoáng, nề nếp và có học thức, có lẽ thời trẻ đã đi khắp nơi trên thế giới nên nói chuyện rất hoạt bát, phóng khoáng.

Tôi dần dần chơi thân với ông, tháng nào cũng đến nhà thăm ông để được thưởng thức bộ sưu tập đĩa nhạc quý giá của ông. Đến chơi nhà Casey tôi tha hồ nghe nhạc thoải thích. Giàn âm hưởng của Casey không tân tiến nhưng cũng đủ để nghe bộ nhạc Jazz, vì Casey dùng loại máy khuếch âm mạnh có bóng đèn chân không cổ điển của thời xa xưa tạo tiếng nghe cũng khá ấm.

Casey dùng một phòng lớn vừa làm đọc sách vừa làm phòng làm việc, ông có một bộ máy tính lớn để vẽ sơ đồ kiến trúc. Tuy nhiên ông hầu như không nói gì với tôi về việc làm của ông bao giờ. Khi được hỏi, ông chỉ cười và nói:

- Công việc tôi làm chẳng có gì đặc biệt hết.

Tôi không biết việc kiến trúc của ông là việc gì mà không thấy ông bận bao giờ. Casey lúc nào cũng ngồi ở ghế salon phong nhã cầm ly rượu vang đọc sách hay nghe Jeremy đàn dương cầm, hoặc ngồi nơi ghế ngoài vườn đùa với con chó. Tôi không có cảm tưởng là Casey cần mẫn trong công việc. Thân phụ của Casey là một bác sĩ tâm lý học nổi tiếng đã xuất bản 5, 6 cuốn sách chuyên ngành dùng để dạy học.

Ông cụ là người mê say nhạc Jazz cuồng nhiệt, là bạn thân của Bob Weinstock, nhà sản xuất và cũng là người sáng lập công ty đĩa nhạc Prestige Records. Do đó Bố của Casey đã sưu tập đĩa nhạc Jazz từ thập niên 1940 đến thập niên 1960. Số lượng đĩa nhạc cụ sưu tập không những đáng nể mà phẩm chất lại tuyệt vời, phần lớn các đĩa nhạc là bản nguyên thủy trong kỳ phát hành đầu tiên. Bộ đĩa nhạc đã được chăm sóc kỹ lưỡng, tình trạng nguyên thủy được giữ nguyên, mặt đĩa không một vết trầy, bao đĩa không một vết xước.

Casey không có anh chị em vì ông mồ côi mẹ từ thuở nhỏ và thân phụ ông đã không tái hôn. Năm Casey 15 tuổi, bố ông mất vì ung thư tụy tạng, ông đã hưởng thụ toàn bộ tài sản, nhà cửa cùng với bộ sưu tập đĩa nhạc quý. Casey thương kính bố hơn ai hết nên đã giữ kỹ nguyên vẹn bộ đĩa nhạc. Tuy cũng thích nghe Jazz nhưng ông không cuồng nhiệt như bố. Casey ưa thích nhạc cổ điển hơn nên mỗi khi có buổi trình diễn của giàn nhạc giao hưởng Boston là ông rủ Jeremy đi nghe.

Sau khoảng nửa năm chơi thân với nhau thì một hôm Casey nhờ tôi trông nhà hộ vì Casey có công việc phải đi London khoảng một tuần. Thường thì khi nào ông đi xa, Jeremy trông nhà, nhưng lần này Jeremy đã đi West Virginia thăm người mẹ ốm nặng.

Casey đã điện thoại cho tôi:

- Xin anh thông cảm, tôi chỉ có anh để nhờ trông nhà hộ; mà thật ra anh chỉ cần ngày hai lần cho con (chó) Miles ăn thôi. Bộ đĩa nhạc thì anh nghe bao nhiêu cũng được. Rượu và thức ăn tôi cũng đã chuẩn bị đầy đủ, anh cứ dùng tự nhiên, đừng làm khách.

Casey đề nghị kiểu ấy nghe cũng bùi tai, lại đúng vào lúc tôi đang phải sống một mình, mà bên cạnh căn phòng trọ của tôi ở Cambridge người ta đang sửa sang nhà lại, ngày nào cũng ầm ầm không chịu nổi. Thế là vào khoảng trưa thứ sáu, tôi mang vài bộ quần áo, chiếc Macintosh Powerbook, và vài cuốn sách đến nhà Casey, đúng lúc ông vừa sắp xếp xong hành lý, định gọi taxi đến. Tôi chúc ông đi London vui vẻ.

- Anh cứ yên trí, mọi chuyện sẽ tốt đẹp - Casey tươi cười nói - Anh ở nhà tha hồ nghe nhạc. Nhà đã đủ mọi thứ cho anh rồi đấy!

Sau khi tiễn Casey đi xong, tôi vào bếp pha cà-phê uống rồi vào phòng nghe nhạc bên cạnh phòng khách, đặt máy tính, mở nghe vài đĩa nhạc và làm việc khoảng một giờ. Tôi thử xem mình có thể làm việc được như bình thường ở đây trong vòng một tuần hay không.

Bàn làm việc là loại bàn kiểu cổ bằng gỗ gụ to lớn, hai bên có ngăn kéo, có vẻ cổ xưa. Mà đồ đạc trong phòng này, ngoại trừ máy tính Macintosh tôi mang đến, tất cả đều có từ thời nào không còn biết được. Hình như sau khi bố mất, Casey đã giữ nguyên tình trạng căn phòng này, không dời đổi gì, coi như gìn giữ những di vật thiêng liêng. Cả căn nhà có cảm giác không thay đổi gì với thời gian, và riêng nơi căn phòng này, thì rõ ràng thời gian đã ngưng đọng hẳn lại. Tuy nhiên mọi thứ vẫn được sắp xếp cẩn thận, các giá sách không chút bụi bặm, mặt bàn được chùi bóng láng, sạch sẽ đẹp đẽ.

Con chó Miles đến nằm sổng sượt dưới chân tôi, tôi xoa nhẹ đầu. Nó rất ưa hơi người, không chịu ở một mình lâu. Nó chỉ khi ngủ mới chịu nằm trên tấm mền dành sẵn bên cạnh nhà bếp, ngoài ra thường tìm đến bên người nhẹ tựa sát một phần thân mình nó vào.

Phòng khách và phòng nghe nhạc được ngăn cách bởi một bức vách cao không có cửa. Trong phòng khách có lò sưởi lớn xây bằng gạch, và ghế sofa dài bằng da đủ cho 3 người ngồi. Bốn chiếc ghế có tay dựa và ba chiếc bàn cà-phê đều khác nhau về hình dạng. Giữa phòng trải một tấm thảm Persia màu sắc trang nhã, trên trần treo một đèn chùm cổ điển có vẻ như hàm chứa một giai thoại gì đấy. Tôi đến ngồi vào ghế dài, xoay người nhìn quanh phòng. Chiếc đồng hồ đặt trên khung lò sưởi ghi khắc thời gian bằng tiếng "tốc tốc" tựa tiếng tay gõ vào khung cửa sổ. Sách về mỹ thuật và sách chuyên môn của các ngành, xếp hàng trên giá sách cao dựa vào tường. Vài bức tranh sơn dầu lớn nhỏ vẽ cảnh bãi biển treo cạnh nhau. Những bức họa phong cảnh gây ấn tượng giống nhau, bức nào cũng chẳng có hình dáng người, chỉ có phong cảnh bãi biển điệu hui tưởng như kẻ tai lại gần có thể nghe được tiếng gió lạnh, tiếng sóng hoang dại. Chẳng có gì hoa lệ hào nhoáng, nhưng tất cả các thứ trong tranh đều toát ra hơi hướm quý tộc từ thời xa xưa, không che giấu tuy vẫn giữ tiết-độ New England truyền thống. Bức tường rộng trong phòng nghe nhạc được dùng làm giá đựng đĩa nhạc xưa cũ xếp theo thứ tự mẫu tự tên các ban nhạc. Con số chính xác đĩa nhạc thì chính Casey cũng không rõ, ông bảo là đâu chừng 6 ngàn hay 7 ngàn đĩa gì đấy. Và còn một số đĩa xếp thùng các-tông cất vào căn phòng dưới nóc nhà nữa. Ông nói đùa:

- Có ngày, sức nặng của đám đĩa nhạc này sẽ làm căn nhà lún tuốt vào lòng đất mất!

Đặt đĩa nhạc Lee Connitz 10 *inch* cũ kỹ lên máy quay đĩa, ngồi vào bàn mà viết văn thì cảm thấy thời gian trôi qua êm đềm dịu dàng quanh mình, khoan khoái như mình được đặt nằm vào một khung hình khít khao vừa vặn với thân thể mình. Khắp phòng, trong từng góc kín, trong từng chỗ lõm nhỏ trên tường, cho đến từng nếp gấp trên màn cửa, dư hưởng của âm nhạc đã thấm vào, thân mật và khoan khoái. Đêm đó, tôi đã mở chai rượu vang đỏ Monte Pulciano mà Casey đã dành sẵn cho, rót vào ly pha-lê, uống vài ly, và ngồi vào ghế xalông, thư thả đọc cuốn tiểu thuyết mới xuất bản vừa mua được. Quả là sung sướng được tay sành điệu như Casey lựa chọn thứ rượu vang ngon. Tôi lấy phó-mát Brie từ tủ lạnh ra, kẹp với bánh bích-quy mỏng, ăn hết một phần tư hộp. Chung quanh im vắng. Ngoài tiếng đồng hồ "tốc tốc", chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng xe chạy qua trước nhà, mà đường trước nhà là đường cùn nên xe vào cũng chỉ là xe hàng xóm, càng về đêm, càng im vắng không nghe tiếng động nào. Từ phòng trọ của tôi ở Cambridge thuộc xóm đông sinh viên lúc nào cũng ồn ào dòi đến đây, tôi cảm thấy cứ như là mình đang ở dưới đáy biển. Khi đồng hồ chỉ quá 11 giờ đêm thì như thường lệ, tôi thấy buồn ngủ nên dẹp sách, cho ly không vào bồn rửa chén trong nhà bếp, rồi bảo con chó Miles đi ngủ. Con chó uể oải vâng lời, ra nằm cuộn người trên tấm mền cũ, kêu *ư ử* vài tiếng nhỏ rồi chợp mắt ngủ. Tôi tắt đèn, bước vào phòng ngủ dành cho khách ở tầng trên, thay quần áo, chui vào giường, hầu như ngủ vùi được ngay.

Chợt mở mắt thức giấc, tôi thấy mình đang ở trong một khoảng không, chẳng hiểu nơi chốn nào. Một hồi lâu, như lá cải bỏ quên lâu ngày trong góc tối của ngăn tủ trong bếp, ứa héo, tôi chẳng có cảm giác gì. Một hồi lâu sau tôi mới nhớ được ra rằng mình đang trong nhà Casey, đúng rồi, tôi đang ở Lexington đây mà. Quờ quạng tôi tìm ra chiếc đồng hồ đeo tay tôi đã đặt cạnh gối, bấm nút bật sáng xem giờ: 1 giờ 15 sáng. Tôi rướn nhẹ người với tay bật ngọn đèn nhỏ đọc sách bên giường. Phải mất một lúc tôi mới mò ra nút bật. Ánh sáng màu vàng toả ra từ cái chụp thuỷ tinh chạm trổ hình hoa huệ. Tôi xoa mạnh hai lòng bàn tay lên mặt, hít một hơi dài, rồi nhìn quanh căn phòng vừa có ánh sáng. Tôi kiểm điểm bốn bức tường, nhìn tấm thảm, rồi nhìn lên trần cao, nhặt nhanh từng chút ý thức như thể nhặt những hạt đậu vương vãi trên nền nhà, để đầu óc mình quen dần với hiện thực. Cuối cùng tôi mới nhận thức được điều gì đang xảy ra: tiếng động! Một tiếng lao xao nghe như tiếng sóng vỗ vào bờ, tiếng ấy đã lôi tôi ra khỏi giấc ngủ say.

Hóa ra có người nào đang ở tầng dưới! Tôi nín thở, bước thật êm về phía cửa phòng. Tôi nghe tim mình đập mạnh. Rõ ràng là trong ngôi nhà này, ngoài tôi ra còn có người khác nữa, mà không chỉ một hay hai người. Có cả âm nhạc. Tôi chẳng còn hiểu sao cả. Nơi nách tôi đã có mồ hôi lạnh chảy. Không biết rong lúc tôi ngủ say đã có chuyện gì xảy ra trong căn nhà này? Thoạt tiên tôi nghĩ có thể đó là một trò giàn cảnh quy mô để trừu tượng gì tôi? Có thể Casey giả vờ đi London rồi lên quay về sắp đặt tiệc vui này chẳng? Nhưng nghĩ lại tôi thấy Casey không phải hạng ưa đùa vô duyên như thế, óc hài hước của ông tế nhị, thâm trầm. Tôi tựa vào cánh cửa suy nghĩ: có thể một đám bạn của Casey mà tôi không quen biết, thấy Casey vắng nhà lâu mà lại không hay rằng có tôi đến trông nhà cho Casey, lên vào phá phách? Nếu như vậy thì dù sao cũng không phải là bọn ăn trộm, vì kẻ trộm lên vào nhà đâu vặn nhạc ồn ào như thế.

Tôi bèn cời đồ ngủ ra, mặc quần áo thường vào mang giày thể thao, bận thêm áo len. Để phòng hờ chuyện bất nhất tôi tìm một cái gì để thủ sẵn trong tay. Tôi nhìn quanh phòng nhưng chẳng thấy được thứ gì thích ứng cả: chẳng có cây gậy đánh baseball, cũng chẳng có cây gạt lò sưởi. Trong phòng chỉ thấy có tủ, giường, kệ sách nhỏ và tranh phong cảnh. Bước ra ngoài hành lang tôi càng nghe tiếng nhạc rõ hơn, tiếng nhạc xưa vui nhộn từ dưới cầu thang trào lên, tôi nghe quen quen, nhưng không sao nhớ ra bài gì. Tôi nghe cả tiếng nói chuyện của nhiều người nhưng không biết họ nói gì, có cả tiếng cười khanh khách, thanh tao, nhẹ nhàng...

Vậy là dưới nhà đang có tiệc tùng. Tôi nghe có cả tiếng ly sâm-banh hay rượu vang cụng nhau, tiếng chân nhẩy trên sàn nhà, tiếng đế giày da di động nhịp nhàng. Tôi rón rén đi tới trên hành lang tối đen đến chỗ ngoặt cầu thang rồi rướn người qua tay dựa nhòm xuống. Từ cửa kính dài trên cửa chính lọt vào chút ánh trăng soi sáng khoảng tiền sảnh rộng. Tôi không thấy có bóng người nào. Cửa lớn ngăn tiền sảnh với phòng khách đóng kín, cánh cửa này, lúc tối đi ngủ, đã để mở, tôi biết chắc như thế, như vậy là sau khi tôi lên nhà trên ngủ đã có ai đóng cửa này lại!

Tôi chợt bối rối không biết phải làm gì, nên cứ ở yên trên nhà, vào phòng khóa kín cửa, chui vào giường ngủ tiếp hay sao? Nói cho cùng ó là cách hay nhất. Thế nhưng sau khi đứng ở đầu cầu thang một hồi tôi thấy tiếng

nhạc tiếng cười tan dần như làn sóng gợn trên mặt hồ sau cơn gió, và tự nhiên tôi nghĩ trong đầu rằng những kẻ dưới kia chắc cũng không phải là loại người xấu xa gian ác đáng sợ. Tôi bèn hít một hơi sâu vào buồng phổi rồi quyết định bước những bậc thang xuống tiền sảnh. Tôi nhẹ nhàng in sát để giày cao su từng bậc lên thang bằng gỗ cổ. Xuống hết cầu thang, tôi rẽ trái vào phòng bếp, bật đèn, mở ngăn kéo, kiếm một con dao chặt thịt to nặng bằng thép bóng loáng. Casey thích làm bếp nên có bộ dao đất tiền chế tạo tại Đức Quốc. Thế rồi tôi tự hình dung bước vào phòng tiệc đông khách kia, tay cầm con dao chặt thịt to tưởng sao thấy kỳ cục quá nên đành thôi bỏ con dao trở lại ngăn kéo! Tôi mở vòi rót một cốc nước uống. Bỗng tôi nghĩ tới con chó Miles.

Không biết giờ ra sao rồi? Tôi chẳng thấy bóng dáng nó đâu hết. Tôi không thấy nó trên tấm mền nơi nó thường ngày nằm ngủ. Vậy nó đã đi đâu rồi? Nếu có ai vào nhà trong đêm khuya khoắt thế này đáng lý ra nó phải sủa vài tiếng chứ? Tôi khom mình lấy tay sờ chỗ hũng trên chiếc mền dính đầy lông chó: chẳng còn hơi ấm của con Miles. Nó đi đâu mất từ lâu rồi. Tôi rời phòng bếp, ra tiền sảnh, ngồi phệt xuống một băng ghế nhỏ, tiếng nhạc liên tục, tiếng nói chuyện vẫn còn vang dội, lúc hơi ồn, lúc êm dịu, như những đợt sóng, không ngừng. Tôi tự hỏi có bao nhiêu người trong đó? 15 người? có khi hơn? 20 người không chừng. Chắc phòng khách rộng rãi bây giờ chật chội lắm. Tôi phân vân không biết có nên mở cửa vào đó không. Tôi hơi e ngại vì thấy kỳ kỳ làm sao. Tôi là kẻ trông nhà có trách nhiệm canh nhà nhưng có được mời dự tiệc đâu? Tôi cố lắng tai nghe những lời nói rời rạc lọt qua khe cửa để xem họ nói gì nhưng không được. Các lời nói ấy quyện chặt vào nhau không làm sao hiểu từng lời được. Tôi bèn thọc tay vào túi quần, lấy ra một đồng 25 xu, thờ thần lẫn nó vòng vòng trong bàn tay. Đồng tiền ấy cho tôi cái cảm giác thực tế rần rần: có cái gì đập vào đầu tôi: tôi liền hiểu ra rằng những kẻ đó chính là ma. Họ là đây mà! Ma đang tụ họp trong phòng khách, nghe nhạc, chuyện trò với nhau, không phải là người còn sống!

Hai cánh tay tôi liền nổi da gà, cả người tôi rờn rợn lạnh. Có một sự dao động mạnh trong đầu tôi, tôi thấy xung quanh lệch đi, áp xuất biến đổi, và tai mình lúng búng. Cổ họng tôi khô ran, không nuốt được cả nước miếng. Tôi rút đồng tiền lại vào túi quần, đảo mắt nhìn quanh. Tim tôi bắt đầu đập nhanh hơn. Tôi tự hỏi sao không ý thực chuyện họ là Ma ngay từ đầu. Chứ thử nghĩ xem, ai mà lại mở tiệc giữa đêm hôm như thế này bao giờ? Vả lại, từng này người tới đậu xe trước nhà rồi âm âm mở cửa vào làm sao mà khỏi đánh thức tôi dậy? Và con chó chắc chắn là đã sủa vang lên rồi! Như thế có nghĩa là bọn họ đã chẳng từ đâu đến.

Phải chi con Miles ở đây cho tôi vòng tay ôm cổ nó, ngửi mùi nó, cảm thấy hơi ấm của nó. Nhưng chẳng thấy con chó ấy đâu. Sợ quá, tôi ngồi chờ người như bị ma ám. Nhưng rồi giây phút sau đó tôi vượt được lên trên cả nỗi sợ: tôi bỗng có một cảm giác sâu thẳm mà mênh mông và kỳ dị. Tôi thở ra hít vào thật sâu vài lần để cố bình tĩnh lại. Thân thể dần dần trở lại bình thường. Tôi cảm thấy trong tận cùng ý thức như thế có mấy tấm cạc vừa nhẹ nhàng trở mặt lại. Tôi đứng lên, và như lúc bước xuống đây, khẽ rón rén lên cầu thang, trở lại phòng mình, chui tọt vào giường. Tôi vẫn còn nghe tiếng nhạc và tiếng nói chuyện không dứt. Chẳng làm sao nhắm mắt nên tôi đành chịu trận cho tới sáng. Tôi cứ để đèn sáng ngồi tựa vào đầu giường, nhìn lên trần nhà, lắng nghe tiếng ồn không bao giờ dứt của đám tiệc. Vậy mà cuối cùng tôi cũng chìm trong cơn ngủ.

Khi mở mắt thức giấc, bên ngoài đang mưa, mưa nhỏ hạt, mưa âm thầm. Một cơn mưa xuân nhẹ chỉ đủ để thấm ướt mặt đất. Chim giẻ xanh kêu dưới hàng hiên, kim đồng hồ chỉ gần 9 giờ, tôi để nguyên quần áo ngủ, bước xuống tầng dưới. Cánh cửa ngăn giữa tiền sảnh và phòng khách đang mở ra đúng như lúc tôi đi ngủ tối hôm qua. Phòng khách không có gì xáo trộn cả: cuốn sách tôi đọc vẫn úp mặt trên ghế sofa, vụn bánh vẫn còn vương vãi trên chiếc bàn thấp, như đã đoán trước, nhưng tôi vẫn lấy làm lạ sao không thấy vết tích gì là đã có tiệc tùng ở đây đêm qua. Trên sàn phòng bếp, con chó Miles đang cuộn tròn nằm ngủ. Tôi đánh thức nó dậy, cho nó ăn. Như đã chẳng có chuyện gì xảy ra, con chó vừa phe phẩy tai vừa ngồm ngoàm nhai.

Bữa tiệc nửa khuya kỳ dị trong phòng khách nhà Casey chỉ xảy ra trong đêm đầu tiên. Sau đấy mọi chuyện hoàn toàn bình thường. Những đêm yên tĩnh, thậm chí của vùng Lexington tiếp nối nhau qua đi không có gì đặc biệt. Vậy mà chẳng hiểu sao, trong những ngày tôi ở đây, đêm nào cũng vậy, cứ đến giữa khuya, khoảng 1 2 giờ sáng, là tôi mở mắt dậy. Phải chăng vì ngủ một mình ở nhà lạ nên tôi bồn chồn hay vì trong lòng tôi vẫn mong đợi gặp lại buổi tiệc kỳ dị kia? Mọi lần thức giấc giữa khuya, tôi nín thở lắng tai nghe ngóng trong bóng tối, nhưng chẳng nghe thấy gì ngoại trừ tiếng lá cây ngoài vườn lao xao trong gió. Lúc ấy, tôi xuống nhà dưới, vào bếp uống nước. Con chó Miles ngủ cuộn tròn trên sàn phòng, thấy tôi xuống thì nhồm dậy, quẫy đuôi mừng, cạ đầu vào chân tôi. Tôi dắt con chó vào phòng khách, bật đèn, chăm chú nhìn quanh phòng. Nhưng chẳng thấy động tĩnh gì. Chiếc sofa và chiếc bàn thấp vẫn yên tĩnh ở chỗ cũ. Cũng vẫn khung tranh

son dầu vô hồn, vẽ cảnh bãi biển New England, treo trên tường. Tôi ngồi yên xuống ghémột lúc, mắt nhắm lại, tập trung tinh thần để nghĩ xem có tìm ra được chút vết tích gì không nhưng chẳng thấy được gì. Chung quanh tôi chỉ là đêm sâu bí hiểm của vùng ngoại ô thành phố.

Mở cửa sổ hướng ra bồn hoa thì ngửi thấy mùi hoa xuân nồng nàn, màn cửa lay nhẹ trong gió đêm, tôi nghe có tiếng cú rúc sâu trong rừng thưa. Tôi định bụng sẽ không đá động gì đến chuyện đã xảy ra trong đêm ấy một khi Casey từ London trở về vì tôi thấy không có cách nào giải thích sự thể cho Casey được.

.....

Casey hỏi tôi khi về đến nhà:

- Sao, trong lúc trông nhà hộ tôi, có chuyện gì lạ không?
- Không, có gì lạ đâu. Mọi chuyện đều bình thường, công việc cũng trôi chảy.

Mà đúng như thế thật. Casey vui mừng nói.

- Thế thì tốt quá. Không còn gì bằng.

Rồi Casey lấy trong cặp ra chai rượu Whisky mạch nha tặng tôi. Chúng tôi bắt tay nhau, từ giã, tôi lái chiếc Volkswagen về phòng trọ ở Cambridge.

Sau đó, nửa năm tôi không gặp lại Casey lần nào. Chỉ có vài lần ông ta gọi điện thoại đến nói chuyện mà thôi. Ông cho tôi hay mẹ Jeremy đã mất, tay chỉnh dây đàn piano ít nói ấy đi West Virginia đã không trở lại. Đúng vào khoảng thời gian ấy tôi đang cảm cú viết cho xong đoạn cuối của một tiểu thuyết dài nên, ngoại trừ trường hợp cần thiết, tôi không đi đâu hay gặp ai. Mỗi ngày tôi ngồi vào bàn làm việc hơn 12 tiếng, tôi chẳng đi đâu xa hơn một cây số quanh nhà.

Lần cuối tôi gặp Casey là ở quán cà-phê gần bến tàu sông Charles. Tôi đang đi tản bộ thì gặp ông ấy rồi cùng đi uống cà-phê. Không hiểu sao Casey trông già đi đến nỗi tôi ngạc nhiên. Trông ông khác hẳn, như già thêm 10 tuổi: tóc bạc thêm tràn phủ hai tai, vành mắt thâm đen thụng xuống như bao da, vô số nếp nhăn trên lưng bàn tay. Thật là một chuyện khó tưởng tượng đã xảy ra cho Casey, một con người thanh lịch, chăm sóc tỉ mỉ đến ngoại hình. Tôi tự hỏi ông ấy có bệnh hoạn gì không, Casey không nói mà tôi cũng không dám hỏi.

Casey lắc đầu nhẹ, nói với giọng trầm buồn:

- Có lẽ Jeremy sẽ không trở lại Lexington nữa.

Ông nói thỉnh thoảng ông điện thoại nói chuyện với Jeremy ở West Virginia:

- Jeremy có vẻ bị sốc vì mẹ chết nên tính nết thay đổi hẳn, anh ta hoàn toàn khác với Jeremy ngày trước, bây giờ chỉ nói toàn chuyện bói toán: như hôm nay tinh tú này ở vị trí nào, do đó làm gì thì tốt, làm gì không nên.... Lúc sống ở đây có bao giờ Jeremy nói chuyện sao này sao kia như thế đâu...

Tôi nói:

- Tôi lấy làm tiếc! *I'm really sorry.*

Tự mình, tôi cũng không hiểu mình đang nói về ai. Casey nhìn cốc cà-phê, ôn tồn nói.

- Lúc mẹ tôi mất thì tôi mới 10 tuổi. Tôi không có anh chị em nào, nên chỉ còn bố tôi và tôi, hai người mà thôi. Mẹ tôi đã mất trong một tai nạn thuyền buồm vào đầu mùa thu năm ấy. Bố con tôi lúc ấy không hề chuẩn bị tinh thần đối phó với cái chết của mẹ tôi vì bà đang còn trẻ và khỏe mạnh. Bà trẻ hơn bố tôi hơn 10 tuổi nên cả bố tôi lẫn tôi đều không hề nghĩ một ngày nào đó mẹ tôi lại có thể chết. Vậy mà thỉnh linh, bà đã không còn ở trên thế giới này nữa. Đùng một cái bà tan biến cứ như một làn khói thuốc. Mẹ tôi xinh đẹp, thông minh, ai cũng yêu mến. Bà thích đi tản bộ, bà có dáng đi rất đẹp, lưng giữ thẳng, cầm đũa ra phía trước, hai tay để sau lưng, bước đi thật đẹp, bà thường vừa đi vừa hát. Tôi rất thích đi chơi với mẹ tôi. Tôi vẫn hằng nhớ hình dáng mẹ tôi bước đi ven bờ biển Newport trong nắng sớm mai còn mát của mùa hè. Gió thổi phới phới làm tung vạt áo đầm dài trẻ trung của mẹ tôi, chiếc áo bông vải có hoa nhỏ li ti. Hình ảnh ấy đã khắc vào tâm trí tôi với những nét đậm sắc. Bố tôi rất yêu quý mẹ tôi. Có lẽ ông yêu quý mẹ tôi còn nhiều hơn là yêu tôi. Bố tôi là loại người như thế, ông yêu thương những gì ông chinh phục được. Đối với ông thì tôi chỉ do tự nhiên đến với ông, tuy ông cũng yêu thương tôi vì tôi là đứa con duy nhất. Nhưng ông không yêu tôi bằng mẹ tôi và tôi rất thông cảm với ông.

Bố tôi không còn có thể yêu thương ai khác như mẹ tôi được nên sau khi mẹ tôi mất, ông không tái hôn. Sau đám tang mẹ tôi, bố tôi ngủ suốt 3 tuần, tôi nói không ngoa. Thật sự, ông đã ngủ suốt, thỉnh thoảng mới lảo đảo bước ra khỏi giường, chẳng nói chẳng rằng lấy nước uống hay ăn lãng nhăng một tí chút như thể ông bị mộng du, ma ám. Sau đó ông lại chui vào chăn ngủ. Tất cả cửa sổ trong nhà

trong nhà, cửa ngoài đều đóng kín mít, các căn phòng đều tối mịt, khó thở, ông ngủ im lìm, cứ như thể ông là Cendrillon say ngủ sau khi cắn trái táo của mụ phù thủy. Cứ thế ông nằm yên, không nhúc nhích hay trở mình, sắc mặt không thay đổi làm cho tôi lo sợ, bao lần đã đến cạnh giường canh chừng xem ông có chết luôn trong giấc ngủ hay không. Tôi đứng nhìn trừng trừng vào mặt ông, nghe hơi thở đều của ông. Ông đã không chết, ông chỉ ngủ mê mết mà thôi. Có lẽ ông cũng đã chẳng mộng mị gì cả, tôi chỉ nghe tiếng thở đều trong căn phòng tối tĩnh mịch. Thật tình tôi chưa bao giờ thấy ai ngủ một giấc dài đến như thế, cứ như ông là người đã chết rồi. Tôi giờ vẫn còn nhớ tôi đã sợ hãi biết chừng nào. Trông ngôi nhà mênh mông chỉ còn trơ trọi có một mình tôi, tôi cảm thấy tôi đã bị cuộc đời bỏ rơi mình.

15 năm trước đây, khi bố tôi mất tất nhiên là tôi đã đau buồn lắm, nhưng thành thật mà nói, tôi không hoảng sợ gì mấy. Bởi hình ảnh ông lúc chết cũng không khác gì hình ảnh ông ngủ mê thời kỳ trước đó. Như thể lặp lại lần nữa điều tôi đã thấy một lần rồi, y chang nhau làm cho tôi bàng hoàng, choáng váng, mắt thẳng băng! Quá khứ đã trở lại nguyên vẹn như thể đã không có cái khoảng gần 30 năm giữa hai biến cố. Chỉ một điều khác là lần này tôi không còn nghe tiếng ông thở mà thôi.

Tôi thương bố tôi hơn bất cứ ai trên cõi đời này. Hơn cả sự kính trọng, tôi được gắn bó với ông cả về tinh thần lẫn tình cảm. Chính vì vậy mà lạ thay, giống hệt như khi mẹ tôi mất bố tôi đã chìm vào cơn ngủ, đến lúc bố tôi chết chính tôi lại cũng vào giường ngủ một cơn dài như không còn bao giờ thức dậy nữa. Cứ như thể tôi phải thừa kế một nghi thức do huyết thống nào đó. Tôi đã ngủ suốt hai tuần lễ, tôi chỉ ngủ và ngủ,... ngủ mê mết như thể thời gian đã tan biến không còn hiện hữu. Khi đó, đối với tôi, thế giới trong giấc ngủ mới là thế giới thực, thế giới thực tại chỉ là thế giới giả tạo, mong manh, phiến diện, vô sắc. Có lúc tôi đã nghĩ trong một thế giới như thế thì không đáng sống làm gì. Do đó tôi đã thông cảm và hiểu được những cảm xúc của bố tôi khi mẹ tôi mất. Anh có hiểu điều tôi nói không? Nghĩa là, có nhiều sự thể trên cõi đời diễn ra dưới hình thức khác thường. Vì những sự thể không thể không thể có hình thái khác hơn được.

Sau đó, Casey im lặng một hồi như suy nghĩ một điều gì.

Đã cuối mùa thu, thỉnh thoảng có tiếng trái khô rụng xuống mặt đường nhựa vang đến tận tai tôi. Casey ngẩng mặt, miệng nở nụ cười hiền hoà cổ hữu:

- Có một điều đáng nói là... bây giờ nếu tôi có chết đi, dù ngay tại nơi đây, thì chẳng có ai vì tôi mà ngủ mê mết như thế nữa.

\*\*\*\*

Thỉnh thoảng, tôi lại nhớ đến những bóng ma ở Lexington, lũ ma bí hiểm đã mở tiệc huyền ảo giữa đêm khuya trong phòng khách ngôi biệt thự cổ của Casey. Rồi tôi nhớ đến Casey, nhớ tới ông bố đã đóng kín cửa phòng ngủ ở tầng trên mà ngủ một cơn dài như để họ làm người chết, nhớ đến con chó Miles dễ thương, nhớ bộ sưu tập đĩa nhạc Jazz tuyệt vời tôi đã nín thở chiêm ngưỡng, nhớ nhạc Schubert trong tiếng đàn của Jeremy, nhớ chiếc xe BMW màu xanh đậu trước cửa nhà. Tôi cảm thấy những sự việc ấy sao mà quá xa xôi, như đã xảy ra từ thời nào trong quá khứ, ở một nơi chốn xa vời vợi. Thế mà thật ra, đó là chuyện chỉ vừa mới xảy ra đây thôi.

Tôi chưa hề kể chuyện này cho ai. Hẳn nhiên đó là chuyện kỳ dị, nhưng có thể vì cái cảm tưởng xa vời vợi ấy mà tôi không thấy nó kỳ dị. Các bạn có thể nó kỳ dị không?